

Số: /KH-UBND

Thái Nguyên, ngày tháng năm 2026

KẾ HOẠCH

Hỗ trợ doanh nghiệp tham gia phát triển các ứng dụng, dịch vụ số mới theo hình thức hợp tác công tư (PPP)

Thực hiện Nghị định số 180/2025/NĐ-CP ngày 01/07/2025 của Chính phủ về cơ chế, chính sách hợp tác công tư trong lĩnh vực phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia và Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 14/01/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung, cập nhật Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Kế hoạch hành động số 15-KH/TU ngày 12/9/2025 của Ban thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; sau khi xem xét nội dung tham mưu của Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 166/TTr-SKHCN ngày 30/12/2025, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch hỗ trợ doanh nghiệp tham gia phát triển các ứng dụng, dịch vụ số mới theo hình thức hợp tác công tư (PPP), cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Triển khai có hiệu quả các quy định tại Nghị định số 180/2025/NĐ-CP, tạo môi trường pháp lý thuận lợi, minh bạch và hấp dẫn để huy động tối đa nguồn lực từ khu vực tư nhân, đặc biệt là các doanh nghiệp công nghệ, tham gia đầu tư phát triển các ứng dụng, dịch vụ số mới, góp phần thúc đẩy quá trình đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh Thái Nguyên.

Huy động tối đa nguồn lực, tiềm năng trí tuệ và công nghệ từ khu vực tư nhân, đặc biệt là các doanh nghiệp tiên phong trong lĩnh vực khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số nhằm đạt được các mục tiêu đột phá thực hiện thành công Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị.

Đặt doanh nghiệp vào vị trí trung tâm của các dự án PPP, khuyến khích vai trò chủ động đề xuất, đầu tư, nghiên cứu và phát triển. Các chính sách hỗ trợ phải thực sự giải quyết được khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp, tạo môi trường thuận lợi, công bằng và hấp dẫn để doanh nghiệp yên tâm đầu tư dài hạn.

2. Yêu cầu

Ưu tiên phát triển công nghệ cao, công nghệ chiến lược, hạ tầng số, nền tảng số dùng chung, hoạt động đào tạo và hạ tầng phục vụ đào tạo nhân lực công nghệ số và các loại hình công nghệ, sản phẩm, dịch vụ, hoạt động khác phù hợp với mục tiêu nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo, thúc đẩy chuyển đổi số quốc gia.

Đảm bảo tính minh bạch, công khai trong toàn bộ quy trình từ đề xuất, thẩm định, phê duyệt đến triển khai và giám sát dự án PPP. Các cơ chế, chính sách phải được thực thi hiệu quả, cắt giảm tối đa các thủ tục hành chính không cần thiết, rút ngắn thời gian triển khai, đảm bảo nguồn lực được sử dụng tối ưu.

Các hoạt động hỗ trợ phải đảm bảo tính đồng bộ, công khai, minh bạch, đúng quy định pháp luật. Các giải pháp phải thực chất, dễ tiếp cận và giải quyết được các vướng mắc của doanh nghiệp khi tham gia vào các dự án PPP.

Chấp nhận rủi ro và đổi mới: Thừa nhận tính rủi ro cố hữu trong các hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Nhà nước sẵn sàng chia sẻ rủi ro công nghệ và thị trường một cách hợp lý, tạo cơ chế linh hoạt để khuyến khích thử nghiệm, đổi mới và chấp nhận thất bại có kiểm soát như một phần tất yếu của quá trình đổi mới sáng tạo.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Huy động nguồn lực xã hội, đặc biệt từ doanh nghiệp công nghệ, để phát triển các ứng dụng, dịch vụ số mới, phục vụ xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số tỉnh Thái Nguyên.

2. Mục tiêu cụ thể

Hình thành hệ sinh thái dịch vụ số công - tư tại Thái Nguyên, tạo động lực phát triển kinh tế số.

Thể chế hóa các quy định: Xây dựng và ban hành các văn bản hướng dẫn chi tiết để làm rõ quy trình, thủ tục, tiêu chí cho các dự án PPP trên địa bàn tỉnh.

Xây dựng chuyên trang về hợp tác công tư có liên quan tới khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số: Thiết lập một đầu mối thông tin chính thức, toàn diện và duy nhất để cung cấp thông tin, kết nối và hỗ trợ các bên liên quan.

Triển khai các giải pháp hỗ trợ toàn diện: Đưa ra các cơ chế, chính sách và hành động cụ thể để hỗ trợ trực tiếp cho doanh nghiệp về tài chính, kỹ thuật, tiếp cận nguồn lực và đơn giản hóa thủ tục hành chính.

III. PHẠM VI VÀ ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

1. Phạm vi

Kế hoạch này áp dụng cho các dự án PPP trên địa bàn tỉnh trong các lĩnh vực được quy định tại Điều 2 của Nghị định số 180/2025/NĐ-CP ngày 01/07/2025 về cơ chế, chính sách hợp tác công tư trong lĩnh vực phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, bao gồm:

- a) Công nghệ cao, công nghệ chiến lược và hạ tầng cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo.
- b) Hạ tầng số, nền tảng số dùng chung.
- c) Hoạt động đào tạo và hạ tầng phục vụ đào tạo nhân lực công nghệ số và công nghiệp công nghệ số.
- d) Các loại hình công nghệ, sản phẩm, dịch vụ khác phù hợp.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, đơn vị, địa phương, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp trong và ngoài nước tham gia hoặc có liên quan đến các hoạt động hợp tác công tư trong lĩnh vực phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

IV. NỘI DUNG, HÌNH THỨC HỖ TRỢ VÀ ƯU ĐÃI

1. Nội dung hỗ trợ của tỉnh

Cung cấp dữ liệu, hạ tầng số dùng chung; hỗ trợ một phần kinh phí nghiên cứu, thử nghiệm ứng dụng; ưu tiên trong đấu thầu, mua sắm công; tạo cơ chế sandbox; hỗ trợ truyền thông, quảng bá.

2. Trách nhiệm doanh nghiệp

Đầu tư công nghệ, vốn, nhân lực; triển khai, vận hành, khai thác dịch vụ; chia sẻ lợi ích; đảm bảo an toàn, bảo mật.

3. Hình thức hợp tác PPP

Hợp đồng BOT, BTO, BOO; BT; BTL, BLT; O&M¹; hợp tác theo cơ chế đặt hàng hoặc tài trợ; hợp tác ba bên và các hình thức hợp tác công tư khác.

4. Các giải pháp hỗ trợ trực tiếp cho doanh nghiệp

- a) Hỗ trợ về nguồn vốn và tài chính

Ưu tiên bố trí nguồn vốn đầu tư công cho các dự án PPP KHCN, ĐMST, CDS, đảm bảo tỷ lệ vốn nhà nước có thể tham gia lên đến 70% tổng mức đầu tư.

¹ Theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 180/2025/NĐ-CP ngày 01/07/2025

Công khai quy trình và tiêu chí để doanh nghiệp được nhà nước đặt hàng hoặc tài trợ kinh phí thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu trong dự án PPP KHCN, ĐMST, CDS.

Hướng dẫn doanh nghiệp về thủ tục để được hưởng ưu đãi thuế, đặc biệt là chính sách tính chi phí R&D vào chi phí được trừ bằng 200% chi phí thực tế.

b) Hỗ trợ về hạ tầng và kỹ thuật

Hỗ trợ doanh nghiệp kết nối, truy cập và sử dụng dữ liệu do cơ quan nhà nước quản lý cho mục đích R&D theo nguyên tắc minh bạch và chi phí hợp lý.

Hỗ trợ đất đai, hạ tầng sẵn có hoặc đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ nghiên cứu - phát triển (phòng thí nghiệm trọng điểm, trung tâm nghiên cứu phát triển dùng chung, trung tâm đổi mới sáng tạo và hạ tầng khác) theo quy định của pháp luật

c) Đơn giản hoá thủ tục hành chính

Cam kết thực hiện đúng thời gian thẩm định và phê duyệt dự án PPP KHCN, ĐMST, CDS theo quy trình rút gọn: không quá 07 ngày cho việc thẩm định và không quá 05 ngày cho việc phê duyệt kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Áp dụng cơ chế một cửa để tiếp nhận và xử lý hồ sơ dự án PPP².

4. Ưu đãi

- Doanh nghiệp được tính 200% chi phí R&D trong thu nhập chịu thuế TNDN.
- Ưu đãi miễn, giảm tiền thuê hoặc sử dụng đất, ưu đãi đầu tư.
- Quyền sở hữu sản phẩm/dữ liệu/giải pháp công nghệ được xác định theo hợp đồng, bảo đảm quyền sở hữu trí tuệ.
- Chia sẻ rủi ro đối với dự án PPP khoa học, công nghệ: Cho phép chia sẻ phần giảm doanh thu trong 3 năm đầu nếu doanh thu thực tế thấp hơn dự kiến; chấm dứt hợp đồng trước thời hạn nếu sau 3 năm doanh thu vẫn thấp hơn dự kiến <50%.

V. GIẢI PHÁP, NHIỆM VỤ CỤ THỂ

1. Hoàn thiện thể chế và hướng dẫn nghiệp vụ

a) Ban hành văn bản hướng dẫn

Hướng dẫn chi tiết về việc lập, thẩm định, phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi đối với các dự án PPP KHCN, ĐMST, CDS của các cơ quan, đơn vị; tiêu chí xác định dự án được áp dụng hình thức chỉ định nhà đầu tư; cơ chế chấp nhận rủi ro trong nghiên cứu; Quy trình hỗ trợ doanh nghiệp triển khai dự án PPP.

b) Xây dựng quy trình mẫu

Xây dựng các biểu mẫu, hồ sơ đề xuất dự án, hợp đồng mẫu cho các loại hình PPP để doanh nghiệp dễ dàng tham khảo và áp dụng.

² Được quy định tại khoản 4, khoản 6, Điều 15 Nghị định số 180/2025/NĐ-CP ngày 01/07/2025

c) Công bố danh mục nhiệm vụ khoa học, công nghệ (KH-CN) trọng điểm được ưu tiên áp dụng cơ chế chấp nhận rủi ro.

2. Tổ chức truyền thông, phổ biến chính sách

Xây dựng Chuyên mục riêng trên Cổng Thông tin điện tử (TTĐT) của tỉnh đăng tải, cập nhật đầy đủ văn bản pháp quy, các hướng dẫn, chính sách ưu đãi của Nhà nước về hợp tác công tư trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; công bố danh mục các dự án kêu gọi đầu tư PPP; công khai các “bài toán lớn” về Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

Tổ chức các hội thảo, diễn đàn đối thoại giữa cơ quan quản lý và doanh nghiệp để phổ biến về Nghị định 180/2025/NĐ-CP và Kế hoạch này, lắng nghe và giải đáp các vướng mắc của doanh nghiệp.

Cung cấp cơ sở dữ liệu về các chuyên gia, tổ chức KH-CN công lập để doanh nghiệp có thể kết nối, hợp tác.

3. Một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm

Xây dựng và triển khai các dự án đầu tư cho lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số như: Trung tâm đổi mới sáng tạo vùng Việt Bắc; vườn ươm khởi nghiệp; khu công nghệ số tập trung; khu nghiên cứu phát triển khoa học và công nghệ tập trung; khu thực nghiệm nông nghiệp công nghệ cao; khu đào tạo nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ; khu công nghiệp chế biến nông sản công nghệ cao, mở rộng phủ sóng băng thông rộng và xây mới các trạm thông tin di động 5G,...

Tập trung nguồn lực triển khai, thực hiện Đề án của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2025-2030 về phát triển Khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số giai đoạn 2026-2030; các chương trình, đề án phát triển nguồn nhân lực, tập trung vào nhân lực công nghiệp bán dẫn, nhân lực phục vụ phát triển công nghệ cao, công nghệ chiến lược. Triển khai và nghiên cứu mở rộng nội hàm, đối tượng thụ hưởng chính sách hỗ trợ nhà giáo, học sinh, sinh viên tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, đại học đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao và ngành công nghiệp bán dẫn phục vụ nền công nghiệp số trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Phát triển hạ tầng vật lý số, hạ tầng tiện ích số và công nghệ số như: dịch vụ cho chuyển đổi số, trọng tâm là các nền tảng số dùng chung cho nhiều lĩnh vực kinh tế - xã hội; tích hợp cảm biến, ứng dụng công nghệ số vào hạ tầng thiết yếu phục vụ các hoạt động thiết yếu của xã hội trên môi trường số. Làm chủ một số công nghệ chiến lược, công nghệ số như: Trí tuệ nhân tạo, Internet vạn vật (IoT), dữ liệu lớn, điện toán đám mây, chuỗi khối, bán dẫn, công nghệ lượng tử, nano; ứng dụng công nghệ hiện đại vào việc quản lý môi trường, đô thị thông minh, nâng cao chất lượng sống người dân.

Xây dựng, triển khai Kế hoạch chuyển đổi số cho các doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh. Thực hiện hiệu quả các chính sách ưu đãi, khuyến khích doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp vừa và nhỏ, hợp tác xã, hộ kinh doanh đầu tư cho chuyển đổi số; nghiên cứu, ứng dụng khoa học, đổi mới công nghệ để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, quản trị doanh nghiệp, đặc biệt đối với các hợp tác xã nghiên cứu, ứng dụng chuyển giao công nghệ, công nghệ cao trong sản xuất nông, lâm nghiệp và xây dựng thương hiệu sản phẩm; xây dựng mô hình sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản theo VietGAP, GlobalGAP; sản xuất nông nghiệp hữu cơ để tạo ra sản phẩm hàng hoá có chất lượng cao.

Xây dựng Kế hoạch 05 năm (2026-2030) đầu tư phát triển hạ tầng số đồng bộ, hiện đại, bảo đảm an toàn, an ninh, có tính dự phòng trên nền tảng Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông và Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Ưu tiên phát triển, liên thông hạ tầng số cho các khu vực trọng điểm (khu công nghiệp, khu công nghệ số tập trung, đô thị thông minh,...); thúc đẩy kết nối, chia sẻ hạ tầng số giữa các cơ quan, đơn vị trên địa bàn; lồng ghép các nội dung phát triển hạ tầng số vào định hướng quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Thu hút, thúc đẩy hình thành các doanh nghiệp công nghệ chiến lược quy mô lớn trên địa bàn tỉnh để phát triển hạ tầng số, nhân lực số, dữ liệu số, công nghệ chiến lược, an toàn an ninh mạng. Xây dựng cơ chế thu hút doanh nghiệp công nghệ hàng đầu đặt trụ sở, đầu tư nghiên cứu, sản xuất tại Thái Nguyên theo nguyên tắc: Sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực tỉnh Thái Nguyên đang ưu tiên; có phát triển công nghiệp phụ trợ tại tỉnh và các địa phương khác; có đầu tư trung tâm nghiên cứu và phát triển tại Thái Nguyên với tỷ lệ 1% - 3% doanh thu.

Xây dựng hạ tầng số, nền tảng số thống nhất, ổn định, hiện đại bảo đảm liên thông, tái sử dụng về mặt dữ liệu, an toàn, bảo mật thông tin và an ninh mạng.

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo Kế hoạch này).

VI. Kinh phí

Căn cứ tình hình thực tế, khả năng cân đối vốn của Trung ương, địa phương và các nguồn vốn hợp pháp khác: Tổ chức, đơn vị, cá nhân thực hiện dự án sẽ được Nhà nước hỗ trợ theo quy định tại Điều 17 Nghị định 180/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ về cơ chế, chính sách hợp tác công tư trong lĩnh vực phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số và các quy định của pháp luật có liên quan.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Là đơn vị đầu mối, chủ trì tổ chức triển khai Kế hoạch này; theo dõi, đôn đốc các đơn vị, địa phương trong quá trình thực hiện.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương để giải quyết các vướng mắc phát sinh.

c) Định kỳ tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh về tình hình, kết quả thực hiện Kế hoạch và đề xuất các giải pháp cần thiết.

d) Là đầu mối tiếp nhận các phản hồi, kiến nghị từ doanh nghiệp và các bên liên quan để kịp thời xử lý.

2. Các Sở, ban, ngành, địa phương

a) Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, chủ động thực hiện các nhiệm vụ cụ thể được phân công tại Phụ lục ban hành kèm theo Kế hoạch.

b) Phối hợp chặt chẽ với Sở Khoa học và Công nghệ và các đơn vị liên quan để đảm bảo tính đồng bộ, hiệu quả và đúng tiến độ.

c) Chịu trách nhiệm về nội dung chuyên môn và chất lượng của các nhiệm vụ được giao.

d) Định kỳ gửi báo cáo kết quả thực hiện trước ngày 15/12 hằng năm và báo cáo đột xuất, báo cáo sơ kết, tổng kết khi có yêu cầu (*các cơ quan, đơn vị gửi báo cáo về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định*).

3. Doanh nghiệp, tổ chức khoa học và công nghệ, cơ sở giáo dục đại học

a) Chủ động nghiên cứu, đề xuất các dự án PPP KHCN, ĐMST, CDS có tính đột phá, khả thi.

b) Tích cực tham gia góp ý xây dựng chính sách; trong quá trình thực hiện có vướng mắc đề nghị phản ánh về Sở Khoa học và Công nghệ để nghiên cứu, xem xét báo cáo cấp có thẩm quyền giải quyết theo quy định.

Trên đây là Kế hoạch hỗ trợ doanh nghiệp tham gia phát triển các ứng dụng, dịch vụ số mới theo hình thức hợp tác công tư (PPP). Yêu cầu Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các xã, phường chỉ đạo triển khai thực hiện đảm bảo phù hợp, hiệu quả. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc vấn đề phát sinh, các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Khoa học và Công nghệ) để xem xét, chỉ đạo giải quyết theo quy định./.

Nơi nhận:

- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Đại học Thái Nguyên;
- Các sở, ban, ngành;
- Báo và phát thanh, truyền hình Thái Nguyên;
- Doanh nghiệp BCVT, CNTT trên địa bàn tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, TH, KGVX. *Thaidh02*

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thị Loan

Phụ lục
PHÂN CÔNG TỔ CHỨC THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP
(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày tháng năm 2026 của UBND tỉnh Thái Nguyên)

STT	Nhiệm vụ, giải pháp	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành
1	Hoàn thiện thể chế (cơ chế, chính sách) và hướng dẫn nghiệp vụ			
1.1	Hướng dẫn doanh nghiệp về thủ tục để được hưởng ưu đãi thuế	Thuế tỉnh		Quý I/2026
1.2	Công bố danh mục nhiệm vụ khoa học công nghệ (KHCN) trọng điểm được ưu tiên áp dụng cơ chế chấp nhận rủi ro	Sở Khoa học và Công nghệ	Các đơn vị có liên quan	Quý I/2026
2	Tổ chức truyền thông, phổ biến chính sách			
2.1	Xây dựng Chuyên mục riêng trên Cổng TTĐT của tỉnh đăng tải, cập nhật đầy đủ văn bản pháp quy, các hướng dẫn, chính sách ưu đãi của Nhà nước về hợp tác công tư trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; Công bố danh mục các dự án kêu gọi đầu tư PPP; Công khai các “bài toán lớn” về Khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	Văn phòng UBND tỉnh (Trung tâm Thông tin tỉnh)	Sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Quý I/2026
2.2	Tổ chức các hội thảo, diễn đàn đối thoại để phổ biến chính sách và giải đáp vướng mắc cho doanh nghiệp	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tài chính và các Sở, ban, ngành, địa phương	Thường xuyên, bắt đầu từ Quý I/2026
2.3	Cung cấp cơ sở dữ liệu về các chuyên gia, tổ chức KHCN công lập để doanh nghiệp có thể kết nối, hợp tác	Sở Khoa học và Công nghệ	Các đơn vị có liên quan	Quý I/2026
3	Các giải pháp hỗ trợ trực tiếp cho doanh nghiệp			
3.1	Hỗ trợ về nguồn vốn và tài chính: Phối hợp bố trí vốn để thực hiện theo quy định hiện hành	Sở Tài chính	Sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Thường xuyên

STT	Nhiệm vụ, giải pháp	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành
3.2	Đơn giản hóa thủ tục hành chính: Đảm bảo thời gian thẩm định (7 ngày), phê duyệt (5 ngày); áp dụng cơ chế một cửa	Sở, ban, ngành		Ngay khi Kế hoạch được ban hành
3.3	Hỗ trợ doanh nghiệp kết nối, truy cập và sử dụng dữ liệu do cơ quan nhà nước quản lý cho mục đích R&D theo nguyên tắc minh bạch và chi phí hợp lý	Sở, ban, ngành	UBND các xã, phường	Thường xuyên
3.4	Hỗ trợ đất đai, hạ tầng sẵn có hoặc đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ nghiên cứu - phát triển (phòng thí nghiệm trọng điểm, trung tâm nghiên cứu phát triển dùng chung, trung tâm đổi mới sáng tạo và hạ tầng khác) theo quy định của pháp luật	Sở, ban, ngành	UBND các xã, phường	Thường xuyên
4	Nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm			
4.1	Xây dựng kế hoạch và triển khai hạ tầng 5G, IoT trong các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu công nghệ số tập trung; cơ chế khuyến khích các chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp chủ động tham gia đầu tư phát triển các trạm phát sóng, hạ tầng viễn thông, nhằm tạo điều kiện sẵn sàng thu hút các doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp số đầu tư vào khu công nghiệp	Sở Khoa học và Công nghệ	Ban Quản lý các Khu công nghiệp Thái Nguyên, Sở Công Thương; các địa phương, các doanh nghiệp viễn thông	Tháng 01/2026
4.2	Xây dựng, triển khai Kế hoạch chuyển đổi số cho các doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh. Thực hiện hiệu quả các chính sách ưu đãi, khuyến khích doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp vừa và nhỏ, hợp tác xã, hộ kinh doanh đầu tư cho chuyển đổi số;	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Tài chính.	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Theo lộ trình, hướng dẫn của Trung ương (9/2025)

STT	Nhiệm vụ, giải pháp	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành
	nghiên cứu, ứng dụng khoa học, đổi mới công nghệ để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, quản trị doanh nghiệp, đặc biệt đối với các hợp tác xã nghiên cứu, ứng dụng chuyển giao công nghệ, công nghệ cao trong sản xuất nông, lâm nghiệp và xây dựng thương hiệu sản phẩm; xây dựng mô hình sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản theo VietGAP, GlobalGAP; sản xuất nông nghiệp hữu cơ để tạo ra sản phẩm hàng hoá có chất lượng cao			
4.3	Xây dựng Đề án thành lập Trung tâm đổi mới sáng tạo vùng Việt Bắc	Sở Khoa học và Công nghệ; Đại học Thái Nguyên	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Quý II năm 2026.
4.4	Xây dựng, triển khai Kế hoạch phát triển hạ tầng số giai đoạn 2026-2030	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tài chính và các sở, ban, ngành, địa phương	Quý I năm 2026
4.5	Tham mưu HĐND tỉnh Ban hành Nghị quyết Quy định một số chính sách hỗ trợ hợp tác quốc tế và đào tạo nhân lực chất lượng cao trong giáo dục nghề nghiệp phục vụ các ngành công nghiệp mũi nhọn, công nghiệp bán dẫn, trí tuệ nhân tạo và công nghiệp số trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, giai đoạn 2026-2030	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Quý II năm 2026
4.7	Phát triển KCN chế biến nông sản công nghệ cao, kết hợp với trung tâm nghiên cứu, sản xuất thiết bị, máy móc công nghệ cao phục vụ nông nghiệp, tạo điều kiện phát triển bền vững và hiện đại hóa ngành nông nghiệp	Ban Quản lý các KCN Thái Nguyên; Sở Nông nghiệp và Môi trường theo chức năng, nhiệm vụ	Sở Khoa học và Công nghệ; Các sở, ban, ngành, địa phương	- Thời gian triển khai thực hiện: Từ 2026 - 2030.
4.8	Hoàn thành xây dựng Khu Công nghệ số tập trung Yên Bình	Sở Tài chính; Sở	Các sở, ban, ngành, địa	Quý III năm

STT	Nhiệm vụ, giải pháp	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành
		Khoa học và Công nghệ	phương	2026
4.9	Xây dựng và triển khai Đề án đô thị thông minh trên địa bàn tỉnh	Sở Xây dựng	Các Sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Tháng 6/2028
4.10	Xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ, thu hút nguồn nhân lực y tế; chính sách thu hút, tuyển dụng nhân lực về khoa học, công nghệ và chuyển đổi số làm việc tại các cơ quan của hệ thống chính trị; chính sách đối với trí thức trẻ tham gia công tác tại vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; chính sách thu hút nhân tài, chuyên gia công nghệ cao, nhà khoa học giỏi đến làm việc tại tỉnh (lương, môi trường nghiên cứu...)	Sở Y tế; Sở Nội vụ; Sở Khoa học và Công nghệ; theo chức năng, nhiệm vụ	Các sở, ngành, UBND các xã, phường	Thường xuyên
4.11	Tăng cường thu hút doanh nghiệp công nghệ cao đặt trụ sở, đầu tư nghiên cứu, sản xuất tại tỉnh theo nguyên tắc: sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực tỉnh đang ưu tiên; có phát triển công nghiệp phụ trợ; khuyến khích tổ chức bộ phận nghiên cứu và phát triển	Ban Quản lý các Khu công nghiệp Thái Nguyên	Sở Tài chính và các sở, ban, ngành, địa phương	Thường xuyên